|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  |  |

**BÀI 9: TRÁI ĐẤT- NGÔI NHÀ CHUNG**

**Tiết 99-100**

**TRÁI ĐẤT- CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** Chủ đề bài học: Trái đất- ngôi nhà chung

- Tri thức Ngữ văn:

+ Văn bản, đoạn văn trong văn bản;

+ Các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin.

+ Những nhân tố đe dọa môi trường sống trên trái đất.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết chủ đề bài học: Trái đất- ngôi nhà chung

+ Biết được thế nào là văn bản, đoạn văn trong văn bản.

+ Nhận biết được các thành phần của văn bản thông tin .

+ Nhận biết và phân tích được cách triển khai văn bản thông tin: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.

+ Thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên trái đất.

**3. Về phẩm chất:** Yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS đến nhiệm vụ của bài học.

- HS quan sát hình ảnh, đoán chủ đề của bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu cả lớp lắng nghe bài hát: *Ngôi nhà chung của chúng ta*

*https://www.youtube.com/watch?v=ooJ9TeTrBVA&ab\_channel=S%C6%A0NCA*

*+ Bài hát gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này?*

*+ Em hiểu thế nào về “sự sống muôn màu”*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV tổng hợp ý kiến, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết chủ đề bài học: Trái đất- ngôi nhà chung

- Biết được thế nào là văn bản, đoạn văn trong văn bản.

- Nhận biết được các thành phần của văn bản thông tin .

**b. Nội dung:** GV sử PP dạy học khám phá để hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề của bài học và tri thức Ngữ văn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và đoạn giới thiệu bài học và hỏi:*+ Chủ đề của bài học là gì?**+ Trong chủ đề này, chúng ta sẽ học kiểu văn bản nào?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc SGK tìm câu trả lời.- GV quan sát, định hướng.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trả lời câu hỏi.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học** - Chủ đề bài học: sự sống trong Trái đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất.- Văn bản thông tin: một loại văn bản với những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn ( SGK/77), trả lời các câu hỏi:*+ Thế nào là văn bản và đoạn văn?**+ VB thông tin gồm những yếu tố nào tạo nên?**+ Khi đọc một bài báo, em có đọc sa-pô không? Vì sao? Sa-pô của bài báo có thể giúp gì cho em trong việc lĩnh hội thông tin chính từ VB?**+ VB đa phương thức là gì?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác SGK, nắm kiến thức theo gợi ý..**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Cá nhân HS trình bày kết quả.- Lớp nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.- HS theo dõi,sử dụng bút chì đánh dầu vào SGK. | **\* Tri thức Ngữ văn:** **- Văn bản**+ Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…+ Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản:. Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin. Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức.. Dựa và hình thức: VB nói và VB viết**- Đoạn văn trong văn bản:** Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.**- Văn bản thông tin**+ Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm….. Sa -pô là đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.. Nhan đề là tên của văn bản thể hiện nội dung chính của văn bản.. Đề mục là tên của một chương, mục, hoạc phần của văn bản. Đề mục giúp cho bố cục văn bản mạch lạc và dễ tiếp nhận. Dưới mỗi đề mục là một hoặc vài đoạn văn tạo thành bộ phận của văn bản.**- Văn bản đa phương thức:** Là văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh…-> sinh động, hấp dẫn, tin cậy |

**Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản “ Trái đất- cái nôi của sự sống”**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết và phân tích được cách triển khai văn bản thông tin: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.

- Thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên trái đất.

- Yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV HDHS:*+ Cách đọc văn bản.**+ Chú ý về các câu hỏi suy luận, theo dõi, giải nghĩa từ khó*- GV nêu câu hỏi:*+ Văn bản thuộc thể loại nào?* *+ Các yếu tố tạo lên văn bản là gì??* *+ Liệt kê những thông tin chủ yếu mà văn bản đã đưa đến cho người đọc? HS liệt kê theo cách gạch đầu dòng các sự việc chính.**+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS khác theo dõi, hình dung theo hộp chỉ dẫn, tìm hiểu các chú thích, khai thác SGK.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi liên quan.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc cho HS, chốt nội dung trên màn hình. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Đoc- chú thích**- Đọc- Chú thích: E-líp, địa cực, lục địa, hóa thạch, phục dựng, tuyệt chủng, tầng Ô-zôn**2. Tìm hiểu chung**- Thể loại: Văn bản thông tin.- Các thành phần: nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh.- Yếu tố cấu thành+ Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.+ Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất. + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài. + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất. + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương. - Văn bản chia làm 3 phần+ Phần 1 từ đầu đến “365,25 ngày”, giới thiệu về trái đất.+ Phần 2: Tiếp đến “sự sống trên trái đất” Vai trò của trái đất.+ Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.**2.1. Giới thiệu về trái đất****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu yêu cầu: *+ Đoạn văn “Trái đất trong hệ mặt trời” tập trung giới thiệu thông tin gì?**+ Thông tin đó có ý nghĩa như thế nào?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày.HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, kết luận. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Giới thiệu về trái đất**- Trái đất là một trong 8 hành tinh của hệ mặt trời- Bao gồm sao thủy, sao kim, sao mộc, sao thổ, sao hảo, trái đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương.- Hoạt động: vừa quay quanh trục của nó, vừa quay quanh hệ mặt trời.-> Hiểu sơ lược về cấu tạo của trái đất |
| **2.2. Tìm hiểu vai trò của trái đất****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Đoạn văn “ Vị thần hộ mệnh của trái đất” tập trung giới thiệu thông tin gì?* *+ Chỉ ra những thông tin về sự hiện diện của nước trên trái đất?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày.HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, kết luận. | **2. Vai trò của trái đất****a. Nước- Vị thần hộ mệnh của sự sống trên trái đất.**- Đoạn văn: (“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đắt) tập trung thông tin về vấn đề:+ Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.+ Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. + Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. + Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào? Lấy ví dụ minh họa?**+ Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày.HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, kết luận. | **b. Trái đất - Nơi cư ngụ của muôn loài**- Trái đất có muôn loài tồn tại+ Có loài bé nhỏ chỉ nhìn được bằng kính hiểm vi.+ Có loài to lớn không lồ-> Chúng sống ở khắp mọi nơi trên trái đất.-> Chúng đều tồn tại và phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?**+ Theo em điều gì có ở con người khiến con người có thể được xem là đỉnh cao kì diệu?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày.HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, kết luận. | **c. Con người trên trái đất**- Tác giả xuất phát từ góc nhìn sinh học.- Con người là động vật bậc cao, có bộ não và thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực.- Con người cải tạo lại trái đất khiến cho nó người hơn, thân thiện hơn.- Con người khai thác thiên nhiên bừa bãi gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên trái đất. |
| **2.3. Tìm hiểu thực trạng của trái đất****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Hiện tại trái đất của chúng ta đang từng ngày từng giờ bị tổn thương như thế nào?**+ Vì sao trái đất lại bị tổn thương như vậy?* *+ Câu hỏi cuối cùng của văn bản: “Trái đất có thể chịu đựng đến bào giờ” có ý nghĩa gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày.HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét, kết luận. | **3. Thực trạng của trái đất.**- Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.- Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muốn loài.- Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn. |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân:*+ Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?**+ Nội dung chính của văn bản “Trái đất cái – nôi của sự sống”?**+ Ý nghĩa của văn bản.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS căn cứ các nội dung đã tìm hiểu, dự kiến câu trả lời.- GV gợi mở.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi cá nhân HS trình bày.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật**- VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin: nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.- VB được trình bày vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau **2. Nội dung – Ý nghĩa**Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, Trái Đất nằm trong?

**A. Hệ Mặt Trời**

B. Dải Ngân Hà

C. Tự nhiên

D. Vũ trụ

Câu 2: Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống thuộc thể loại?

**A. Văn bản thông tin**

B. Văn bản nghị luận

C. Tiểu thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 3: Đâu là phương thức biểu đạt chính của văn bản Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống?

A. Tự sự

**B. Thuyết minh**

C. Miêu tả

D, Nghị luận

Câu 4: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, tác giả đã khẳng định Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống

Đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

Câu 5: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, “vị thần hộ mệnh” mà tác giả nhắc tới là?

**A. Nước**

B. Sông

C. Mặt trăng

D. Mặt trời

Câu 5.Tìm những thông tin chủ yếu được đề cập tới trong văn bản Trái Đất- cái nôi của sự sống

A. Trái đất là một trong những hành tinh của hệ Mặt Trời

**B. Nước là" vị thần hộ mệnh " của sự sống trên Trái Đất, thúc đẩy quá trình tiến hóa của các vật chất.**

C. Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người.

D. Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.

E. Trái Đất đang ngày càng bị tàn phá bới hành động vô ý thức của con người.

F. Giải thích nguồn gốc hình thành Trái Đất.

Câu 6. Trái Đất- cái nôi của sự sống là một văn bản thông tin vì có

**A. Nhan dề, sa-pô, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh,…**

B. Luận điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng, ….

C. Từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc, …

D. Nhân vật, sự việc, tình huống, cốt truyện,..

Câu 7. Có thể khẳng định nước là "vị thần hộ mệnh" của sự sống trên Trái Đất vì

**A. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời**

B. Nước là dạng vật chất tồn tại duy nhất trên Trái Đất.

C. Nước đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.

D. Nước xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất.

Câu 8. Đoạn văn "trong số muôn loài tồn tại trên Trái Đất… quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn"cho thấy muôn loài trên Trái Đất có vẻ đẹp

A. Lung linh, huyền ảo

**B. Phong phú, đa dạng, kì thú**

C. Hùng vĩ, dự dội

D. Rực rỡ, tráng lệ.

Câu 9. Lựa chọn nào dưới đây không đúng để khẳng định rằng con người chính là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất?

A. Con người là động vật bậc cao, có não bộ và hệ thần kinh phát triển nhất.

B. Con người có ý thức và tình cảm, có ngôn ngữ và biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực.

C. Con người cải tạo Trái Đất , khiến Trái Đất "người"hơn, thân thiện hơn nhưng cũng tác động tiêu cực đến quá trình tồn tại và phát triển của Trái Đất.

**D. Con người là thực tế duy nhất tồn tại trên Trái Đất.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Gv tổ chức hoạt động.

HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ:

*Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) về chủ đề: Để hành tinh mãi xanh.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV gợi ý để HS thực hiện ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS viết và nộp bài qua zalo.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

 *Soi ngược vào những bức tranh phong cảnh đẹp đẽ của đất nước trong thơ ca, chúng ta mới thấy mảnh đất chúng ta đang sinh sống hiện nay bị ảnh hưởng nhiều bởi những hậu quả của ô nhiễm môi trường: mùa thu se se lạnh của Hà Nội bị thay thế bởi cái nóng oi bức mà dai dẳng của mùa hạ, mực nước biển dâng cao gây lũ lụt làm thiệt hại cả về người và của, một số sinh vật tuyệt chủng vì mất nơi sinh sống, không ít người tử vong vì ô nhiễm nguồn nước và không khí,… Thật đáng buồn khi người đầu độc nhân loại và các sinh vật khác trên hành tinh lại được coi là bộ phận sở hữu những phát minh vĩ đại làm thay đổi nền văn minh trên Trái đất. Vì vậy, để hành tinh xanh mãi xanh, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi công dân trên hành tinh xanh này. Chúng ta phải cùng nhau chung tay thì mới có thể tạo ra tác động đủ lớn giúp đẩy lùi và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chính bản thân và các sinh vật khác!*

GV HDHS chuẩn bị tiết học sau.

|  |  |
| --- | --- |
|  *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 101**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

+ Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi. HS huy động kiến thức trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi: *Từ đầu chương trình lớp 6, chúng ta đã được học nhiều văn bản. Hãy kể tên những văn bản mà em đã học?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS huy động kiến thức đã có và kể tên, nêu hiểu biết của mình về văn bản.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, đàm thoại để HDHS hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và sự tiếp thu kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu yêu cầu:*+ Căn cứ vào những văn bản đã học, em hãy trình bày cách hiểu của mình về văn bản.**+ Theo em,có thể chia văn bản ra thành những loại nào?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** GV gợi ý HS khai thác SGK, quan sát lại các văn bản đã học.HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trả lời.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. | **I. Tìm hiểu lí thuyết****1. Đặc điểm và loại văn bản**- VB là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…- Phân loại:+ Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức+ Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học.+ Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu yêu cầu HS quan sát văn bản “ Trái đất- cái nôi của sự sống” và trả lời câu hỏi:*+ Văn bản “ Trái đất- cái nôi của sự sống” có thể chia làm mấy phần?**+ Trong văn bản, mỗi đoạn văn có chức năng gì?Căn cứ vào đâu để xác định chức năng của đoạn văn?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** GV gợi ý HS khai thác SGK.HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trả lời.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. | **2. Chức năng đoạn văn trong văn bản**- Đoạn văn mở đầu- Đoạn văn trình bày nội dung chính- Đoạn văn kết thúc -> Cần dựa vào vị trí và nội dung của đoạn văn để xác định đúng chức năng của nó trong văn bản. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.

- Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

**b. Nội dung:** GV giao việc- HS tiến hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**GV đọc yêu cầu của BT1/81*+ Hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định* “*Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trả lời.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. | **II. Luyện tập****Bài 1/ trang 81**Các bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản:- Là một văn bản tồn tại ở dạng viết.- VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ.- Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS trả lời:*+ Căn cứ vào những yếu tố nào để phân loại văn bản? Có những loại văn bản nào?**+ VB* ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** *thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của VB?**+ Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS huy động hiểu biết cá nhân, khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trả lời.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. | **Bài 2/Trang 81**VB ***Trái Đất – cái nôi của sự sống*** thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. Các bộ phận cấu tạo của văn bản:- Nhan đề- Sa-pô- Đề mục- Các đoạn văn- Tranh minh hoạ |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS :*+ Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS huy động hiểu biết cá nhân, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS nhắc lại.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. | **Bài 3/Trang 81**VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đụng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.- Thông tin từ văn bản:+ Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống. + Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú.+ Trái đất là nơi cư trụ của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao.+ Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một các bừa bãi+ Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng+ Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách.  |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 và làm vào vở.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** GV hướng dẫn HS: kẻ bảng và thống kê.HS lắng nghe, hoàn thành vào vở.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**Cá nhân HS trình bày kết quả bài tập.GV gọi HS nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, kết luận. |  |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự đoạn văn trong văn bản** | **Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn** | **Ý chính của đoạn văn** | **Chức năng của đoạn văn trong văn bản** |
| Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài ) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài |

 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 102-103**

**CÁC LOÀI SỐNG CHUNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin, mối liên hệ giữa chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

+ Hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài

- Có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi: *Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em yêu thích chương trình nào nhất?*

- GV chiếu sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các sinh vật trên trái đất, yêu cầu HS quan sát và rút ra nhận xét.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, quan sát, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em, 10 văn câu hỏi vì sao?… và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin, mối liên hệ giữa chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV HDHS cách đọc:*+ Đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật**+ Chú ý về các câu hỏi suy luận, theo dõi.**+ Chú ý các chú thích: tiến hóa, quần xã, biome, kí sinh*- GV yêu cầu HS: *Trình bày hiểu biết của bản thân về tác giả, tác phẩm.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS vừa theo dõi đọc, vừa quan sát các hộp chỉ dẫn, các chú thích.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày hiểu biết chung của mình về tác giả, tác phẩm. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Đọc**- HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi suy luận- HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật**2. Chú thích**- Tiến hóa- Quần xã- Biome- Kí sinh**3. Tác giả, tác phẩm**- Tác giả: Ngọc Phú- Tác phẩm+ Thể loại: Văn bản thông tin+ Bố cục+) Đoạn 1: từ đầu => *tổn thương của nó:* đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)+) Đoạn 2: *Tiếp =>* *đẹp đẽ này:* Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ)+) Đoạn 3: *Phần còn lại* : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.**2.1. Tìm hiểu cách đặt vấn đề****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:+ *Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này có tác dụng gì?**+ Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trao đổi và trả lời từng câu hỏi:+ HS: Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để nói về vấn đề mà tác giả muốn đề cập 🡪 Cách vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.+ Vấn đề tác giả đặt ra:đời sống của muôn loài trên trái đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó 🡪 Là một vấn đề cấp thiết**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Đặt vấn đề**- Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.🡪 Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên. |
| **2.2. Tìm hiểu nội dung của vấn đề****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS:*+ Sự phong phú của các loài trên TĐ được thể hiện như thế nào qua những con số và dữ liệu trong đoạn 2?**+ Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*- GV chiếu hình ảnh minh họa và yêu cầu HS:*+ Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?**+ Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?**+ Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác văn bản, quan sát hình ảnh minh họa dự kiến câu trả lời.- GV gợi dẫn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét chiếu KL. | **2. Giải quyết vấn đề****a. Sự đa dạng của các loài**- Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú: có khoảng hơn 100000 loài sinh vật, hiện nay con người mới chỉ nhận biết được hơn 1.400.000 loài, trong đó hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật.🡪 Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.- Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.- Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự cạnh tranh, mối quạn hệ con mồi, vật ăn thịt… |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?**+ Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?**+ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác văn bản tìm câu trả lời.- GV gợi dẫn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trả lời. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV tổng hợp, chiếu KL. | **b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài**- Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định. - Biểu hiện :+ Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã: loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng…. Loài ưu thế (như cây thông trong quần xã rừng thông) đóng vai trò quan trọng trong quần xã do số lượng nhiều và có khả năng hoạt động mạnh. . Loài chủ chốt (như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi) đóng vai trò kiểm soát, khống chế hoạt động của các loài khác và duy trì sự phát triển ổn định của quần xã.+ Sự phân bố các loài trong không gian sống chung, hoặc theo chiều thẳng đứng (như sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới), hoặc theo chiều ngang (trải ra theo bề rộng của địa hình), để giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài có thể sử dụng nguồn sống của môi trường một cách hiệu quả nhất.  |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trả lời. - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV tổng hợp, chiếu KL. | **c. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã**- Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.- Ngược lại, nếu quan hệ hỗ trợ luôn cùng tồn tại bên quan hệ đối kháng thì mọi thứ đạt đến sự cân bằng và vạn vật đều có cơ hội sống . |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Con người đã tác động, can thiệp đến tự nhiên như thế nào? Lấy ví dụ cụ thể?* *+ Những tác động đó đã để lại hậu quả gì?**+ Trước những tác động ngược trở lại của tự nhiên, con người đã làm gì ?**+ Đoạn văn được triển khai theo cách nào ?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác văn bản tìm câu trả lời.- GV gợi dẫn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trả lời. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV tổng hợp, chiếu KL. | **d. Cách chung sống của loài người**- Con người can thiệp vào thiên nhiên+ Trong quá trình lịch sử lâu dài, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo, phát minh ra nhiều thứ, trong có có những thứ ảnh hưởng tiêu cực đến tự nhiên: thuốc trừ sâu, bom nguyên tử, chất độc dioxin…+ Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng (chặt phá rừng, xây dựng nhiều nhà máy, nhiều công trình thủy điện, bê tông hóa….🡪 Sự cân bằng trong đời sống muôn loài ít nhiều bị xáo trộn, phá vỡ, thêm bào đó những yếu tố vô sinh của môi trường (không khí, nước, nhiệt độ, lượng mưa…) chịu tác động xấu từ con người. 🡪 Bản thân cuộc sống con người bị tác động trở lại - gậy ông đập lưng ông: trái đất nóng lên dẫn đến băng tan, mực nước biển dâng cao; lũ lụt, hạn hán, thủng tầng ozon, chất lượng không khí xấu….- Những nỗ lực thay đổi của con người: + Con người bắt đầu tỉnh ngộ+ Biết nhìn vấn đề một cách sáng suốt hơn+ Biết tìm cách sống chung với muôn loài=> Đoạn văn triển khai theo mối quan hệ nhân- quả |
| **2.3. Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc?**+ Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV tổng hợp, KL: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gợi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”. | **3. Kết thúc vấn đề**- Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ. |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV giao nhiệm vụ:*<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tổng hợp dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV tổng hợp, kết luận. | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật:**- Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.**2. Nội dung- Ý nghĩa:**\* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài. *\* Ý nghĩa :* VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, hướng dẫn HS rút ra bài học chung.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi: *Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân ( là những việc làm tích cực).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, kết luận

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS .

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV gợi ý:nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

**-** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chụp kết quả nộp qua nhóm học tập.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

 ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau****. Các loài sinh vật khi sống trong cùng một khu vực môi trường sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới nhau thông qua chuỗi thức ăn. Chỉ cần một trong những mắt xích của chuỗi có sự tăng giảm đều làm ảnh hưởng tới các mắt xích còn lại. Vì thế, để cho một hệ sinh thái được cân bằng về sinh vật, con người cần làm tốt vai trò của  mình trong hệ sinh thái đó, đừng tác động tiêu cực để làm mất cân bằng của hệ sinh thái rồi từ đó dẫn tới mất cân bằng sinh quyển. Không có gì quá cao xa, các em có thể cùng bố mẹ: giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vất hoá học, giảm sử dụng đồ nhựa, bao bì nilon, tăng cường trồng cây xanh,... để giúp lấy lại cân bằng sinh thái ngay quanh chúng ta.*

|  |  |
| --- | --- |
|  *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 104**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Từ mượn và lưu ý về dụng từ mượn.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

+ Hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng trò chơi, tổ chức cho HS huy động hiểu biết cá nhân, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức trò chơi “Khám phá xe đạp của em”

- Gv sẽ chiếu hình ảnh chiếc xe và yêu cầu học sinh gọi tên các bộ phận của xe. Hs trả lời nhanh nhất sẽ được phần quà. Lưu ý chấp nhận 2-3 tên gọi nếu có.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, huy động hiểu biết cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS tham gia trò chơi.



**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Từ mượn và lưu ý về dụng từ mượn.

**b. Nội dung:** GV kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật đặt câu hỏi, HDHS tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- Gv yêu cầu học sinh nối cột A với cột B sao cho phù hợp sau đó giải nghĩa các từ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| 6 điều có thể bạn chưa biết về hải đăng Đại Lãnh | Ra- đi- ô |
| ĐÀI RADIO PANASONIC RF-2400D CẮM ĐIỆN NGUỒN 220V | Shopee Việt Nam | Vô- lăng |
| BỌC VÔ LĂNG ULTRA RACING URS201BK - Phụ kiện ô tô CarVn | Hoàng hôn |
| Hoàng hôn và nỗi nhớ | www.tinmoitruong.vn | Hải đăng |

- Sau khi HS nối đúng, GV đặt câu hỏi:*+ Theo em, các từ này được mượn từ ngôn ngữ của nước nào?*+ *Từ ví dụ, em hãy rút ra: Từ mượn là gì? Tiếng Việt mượn từ từ đâu? Tại sao chúng ta phải vay mượn tiếng nước ngoài?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Cá nhân HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.- GV gợi ý.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trả lời nhanh.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Từ mượn**1. **Ví dụ**

***- Hoàng hôn:*** chiều tà (**là** từ thường dùng để chỉ một khoảng thời gian kể từ ngay sau khi Mặt Trời lặn cho tới khi trời tối hẳn )**- Hải đăng: đèn biển**  (được thiết kế để chiếu sáng từ một hệ thống [đèn](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%C3%A8n&action=edit&redlink=1) và [thấu kính](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A5u_k%C3%ADnh), hoặc thời xưa là chiếu sáng bằng [lửa](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%ADa), với mục đích hỗ trợ cho các [hoa tiêu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_ti%C3%AAu) trên biển định hướng và tìm đường)***- Vô- lăng:*** tay lái ô tô (là một trong những bộ phận thuộc hệ thống lái [xe ô tô](https://www.carmudi.vn/mua-ban-o-to/), có dạng hình tròn và được tài xế trực tiếp dùng để điều khiển các hướng di chuyển của xe)***- Ra- đi- ô:*** máy thu thanh**2. Nhận xét**- Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác.+ Từ vay mượn tiếng Hán+ Từ mượn ngôn ngữ châu Âu. \* Lưu ý:+ Có những từ mượn ngôn ngữ châu Âu được việt hoá gần như hoàn toàn: cà phê, cà vạt, săm, lốp+ Từ mượn được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, giữa các âm có gạch nối+ Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- Hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, huy động hiểu biết cá nhân, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV hướng dẫn HS làm lần lượt từng ý.- GV lưu ý HS rằng nhiều yếu tố Hán Việt có khả năng hoạt động rất cao, thường được dùng để tạo ra những từ ghép mới.- HS lắng nghe, dưới sự hướng dẫn của GV hoàn thành BT.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời cá nhân.- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt đáp án. | **II. Luyện tập****Bài 1/86**a. Các từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, công nghiệp, băng, không khí, ô nhiễm. Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.Các từ vay mượn tiếng Anh: ô-dôn. Từ có gạch nối giữa các âm tiết. b. Từ ô-dôn tạo cảm giác về từ mượn rõ nhất. Vì đây là một thuật ngữ khoa học, có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt.c.- Không: không trung (khoảng không gian trên cao), không gian (là khoảng không mở rộng theo ba chiều cao, dài, rộng), không quân (một quân chủng hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời quốc gia)- nhiễm: lây nhiễm (chỉ sự truyền lan của bệnh hoặc thói xấu nào đó), truyền nhiễm (lây lan của dịch bệnh), nhiễm khuẩn (chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập 2**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- GV HDHS: *Nêu nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt.*- HS làm việc cá nhân.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời cá nhân.- Hs khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định**- Gv nhận xét, đánh giá, chiếu kết luận.- GV bổ sung: vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Hán (trước đây) và tiếng Pháp, tiếng Anh (sau này). Khi nhập vào tiếng Việt, các từ mượn đã được Việt hoá ở những mức độ khác nhau và quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Nhờ việc chủ động vay mượn từ, tiếng Việt luôn phát triển, trong khi vẫn bảo lưu được những nét tinh tuý vốn có của mình. | **Bài 2/86**- Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc và làm BT3**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- Gv gợi ý, hướng dẫn: *Lựa chọn những từ ngữ trong tiếng Việt có khả năng thay thế cho những từ mượn không cần thiết trong câu văn.*- HS đọc SGK, làm việc cá nhân.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời cá nhân.- HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Kết luận, nhận định**- Gv nhận xét, đánh giá, kết luận.- GV bổ sung: Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, gười đọc và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau. | **Bài 3/87**Có thể diễn đạt lại:***Người hâm mộ*** thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy ***thần tượng*** của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống ***sân bay***. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |

**Tiết 105**

**TRÁI ĐẤT**

***- Ra- xun Gam- da- tốp-***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được nét khác biệt giữa văn bản văn học với văn bản thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.

+ Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

**3. Về phẩm chất:**

- Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất - ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi: *Em đã từng biết những cách ví von nào về Trái Đất? Vì sao có những điểm khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng? Riêng em, em thích hình ảnh so sánh nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, quan sát, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ những hiểu biết của mình: Trái Đất là người bạn, là mẹ hiền….

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được nét khác biệt giữa văn bản văn học với văn bản thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.

- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- Xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất - ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV HDHS cách đọc:*+ Chú ý giọng đọc thích hợp: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng.**+ Để lột tả được những tình cảm chứa đựng trong bài thơ, cần chú ý đến hệ thống đại từ nhân xưng đã được sử dụng.*- GV nêu yêu cầu: *Trình bày vài thông tin về tác giả, tác phẩm.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.- HS vừa theo dõi đọc, vừa quan sát các hộp chỉ dẫn, các chú thích.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày hiểu biết chung của mình về tác giả, tác phẩm. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung****1. Đọc**- HS biết cách đọc diễn cảm**2. Tác giả, tác phẩm**- Tác giả: + Gam-da-tốp+ Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, cuộc sống- Tác phẩm+ Thể loại: Thơ+ Bố cục: 2 phần ( tương ứng với 2 khổ thơ) |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.**2.1. Tìm hiểu khổ 1****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV nêu câu hỏi:*+ Cách nhìn nhận và hành xử với Trái Đất được thể hiện như thế nào ở đoạn 1?**+ Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ ở khổ 1. Qua đó thể hiện thái độ gì của tác giả đối với TĐ?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS trao đổi và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết****1. Khổ 1****-** Cách nhìn nhận về TĐ: quả dưa, quả bóng - Cách đối xử với TĐ: bổ, cắn, giành giật, đá🡪 Con người đã nhìn nhận TĐ như một vật sỏ hữu vô tri vô giác và cư xử một cách thô bạo, tàn nhẫn- Từ ngữ+ cách gọi: họ, lũ+ các động từ: bổ, cắn, giành giật, lao, đá=> Thái độ căm tức, coi thường, chế giễu |
| **2.2. Tìm hiểu khổ 2****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS:*+ Nhà thơ đã hình dung ra TĐ như thế nào? đối xử và xưng hô ra sao với Trái Đất?**+ Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?**+ Từ đó, rút ra nhận xét về thái độ của nhà thơ với TĐ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác văn bản, tìm từ ngữ, hình ảnh, dự kiến câu trả lời.- GV gợi dẫn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét chiếu KL. | **2. Khổ 2**- Xưng hô với TĐ là “người”: thể hiện thái độ trân trọng- Hình dung về TĐ: gương mặt thân thương, giọt nước mắt rơi và máu chảy.- Biện pháp nghệ thuật hoán dụ: nước mắt – tượng trưng cho những nỗi buồn, máu – tượng trưng cho những đau đớn, tổn thương mà TĐ phải chịu đựng, trải qua. - Hành động của tác giả: an ủi, cảm thông, chia sẻ.🡪 Tác giả đã cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với người bạn Trái Đất.  |
| **2.3. Đánh giá khái quát****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV chiếu PHT và yêu cầu HS:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Khổ 1 | Khổ 2 |
| Cách hình dung về TĐ |  |  |
| Thái độ cư xử |  |  |

*+ Hoàn thiện PHT theo mẫu.**+ Nhận xét về sự khác biệt về nội dung của hai khổ thơ? Sự khác biệt đó cho chúng ta thấy điều gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS khai thác văn bản tìm câu trả lời.- GV gợi dẫn.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trả lời. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV tổng hợp, chiếu KL. | **3. Đánh giá khái quát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Khổ 1 | Khổ 2 |
| Cách hình dung về TĐ | - Trái đất được nhìn nhận và sở hữu như một vật vô tri, vô giác.- Trái đất là một miếng ăn, miếng mồi. | - TĐ được hình dung như một con người có cảm xúc và có một số phận đau khổ.- TĐ là một đối tượng cần được sẻ chia, yêu thương. |
| Thái độ cư xử | Cách cư xử bạo ngược, ngu dốt. | Cách cư xử nhân văn, hiểu biết. |

-> Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách cư xử của loài người với chính hành tinh nơi mình sinh sống. |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV giao nhiệm vụ:*+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?* *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?**+ Theo em, chủ đề của văn bản là gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tổng hợp dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS trình bày.- HS khác theo dõi, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV tổng hợp, kết luận. | **III. Tổng kết****1. Nghệ thuật:**- Nghệ thuật so sánh, nhân hoá đặc sắc, giọng điệu cảm thông, thương xót, ngôn ngữ giản dị mà thấm thía, sâu sắc.- Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã làm nổi bật chủ đề, nói lên thông điệp của tác giả muốn gửi gắm.**2. Nội dung- Ý nghĩa:**\* *Nội dung*: Bài thơ nói về cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.*\* Ý nghĩa :* Nhắn nhủ con người cần nhìn nhận, cư xử với TĐ như những người bạn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.

Câu 1: Tác giả Gam-da-tốp sinh năm bao nhiêu?

A. 1921

B. 1922

**C. 1923**

D. 1924

Câu 2: Trái Đất là văn bản thuộc thể loại Truyện ngắn.

Đúng hay sai?

A. Đúng

**B. Sai**

Câu 3: Trái Đất là sáng tác của Puskin.

Đúng hay sai?

A. Đúng

**B. Sai**

Câu 4: Trái Đất viết bằng ngôn ngữ nào?

A. Tiếng Nga

**B. Tiếng Ava**

C. Tiếng Phạn

D. Tiếng Anh

Câu 5: Tác giả bài “Trái Đất” là người nước nào?

A. Trung Quốc

B. Nhật

C. Ukraina

**D. Đa-ghe-xtan**

Câu 6: Tác giả gọi Trái Đất trong văn bản cùng tên là?

A. Trái Đất

B. Bạn

C. Cha

**D. Người**

Câu 7: Câu thơ “Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân” sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. Điệp ngữ

**C. So sánh**

D. Nói quá

Câu 8: Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào khi nhắc đến Trái Đất?

A. Liệt kê

**B. Nhân hóa**

C. Ẩn dụ

Câu 9: Tại sao tác giả gọi Trái Đất là “người”?

A. Vì ông muốn tôn thờ Trái Đất

B. Vì ông muốn bày tỏ niềm tin vào thế giới thần linh

**C. Vì ông thể hiện sự tôn trọng, thiêng liêng hóa Trái Đất**

Câu 10: Đâu là năm sáng tác “Trái Đất”?

A. 1965

B. 1966

C. 1967

**D. 1987**

Câu 11: Bài thơ Trái Đất thuộc thể thơ nào?

A. 5 chữ

**B. Tự do**

C. 7 chữ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chuẩn bị kiến thức, tâm lí sẵn sàng thamgia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thamgia trò chơi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**GV sử dụng KT nêu vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

*1. Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Gam-da-tốp với hai văn bản TĐ – cái nôi của sự sống và Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

# *2. Cùng đưa ra thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

+ Điểm chung về nội dung: sự lo lắng, xót xa, ưu tư về tình trạng hiện thời của TĐ, đều khẳng định sự cần thiết của việc chung tay bả vệ sự sóng trên TĐ.

+ Điểm khác của bài thơ: hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng so sánh bất ngờ và ý nghĩa triết lí thâm trầm. Đặc biệt, bà thơ của Gam-da-tốp còn hấp dẫn vì cách tác giả chuyện trò với TĐ như một người bạn thân thiết, cụ thể, đang đứng đối diện...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |
|  |  |  |

**Tiết 106-107**

**HƯỚNG DẪN VIẾT VÀ THỰC HÀNH**

**TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

- Cách tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết cách tóm tắt nội dung của một văn bản đơn giản.

+ Biết cách tóm tắt các văn bản bằng sơ đồ khiến kiến thức đơn giản, dễ hiểu, sinh động hơn.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng tóm tắt VB phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản đã đọc.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, bảng kiểm.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, đặt câu hỏi, định hướng HS nhiệm vụ trọng tâm của bài học.

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu vấn đề:

*+ Khi tóm tắt văn bản, điều em thấy khó nhất là gì? Làm thế nào để dễ nhớ nội dung của văn bản đó?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

- GV định hướng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh chia sẻ hiểu biết của cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

- Cách tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

**b. Nội dung:**

- GV tổ chức hướng dẫn HS khám phá bài học bằng các PP- KT dạy học nêu vấn đề.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* NV1: HDHS tìm hiểu yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS đọc SGK/91 và xác định:*+ Yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV gợi ý.- HS khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trả lời câu hỏi. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Tìm hiểu yêu cầu của tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.**- Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.- Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.- Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ. |
| **\* NV2: HDHS phân tích sơ đồ tham khảo****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS đọc lại VB Trái Đất – cái nôi của sự sống; quan sát sơ đồ tóm tắt và trả lời các câu hỏi:*+ Là người đã đọc, đã học VB, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong VB chưa?* *+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ ưu điểm, nhược điểm gì?***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - GV hướng dẫn HS cùng nhau xác định những tiêu chuẩn phải đạt được của một bản tóm tắt bằng sơ đồ: tính trực quan; lo-gic; khoa học; thẩm mĩ.- HS đọc, khai thác SGK, dự kiến câu trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày kết quả.- HS trả lời câu hỏi của GV.- HS khác nhận xét, bổ sung.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển giao nhiệm vụ khác. | **2. Phân tích sơ đồ tham khảo**Sơ đồ tóm tắt đã bảo đảm được các yêu cầu:- Tính trực quan- Tính lo-gic, khoa học- Tính khái quát- Tính thẩm mĩ |
| **\* NV3: HDHS tìm hiểu các bước tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ.****Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn đầu của văn bản “ Các loài sống chung như thế nào?” và thực hiện các yêu cầu:*+ Hãy xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn.**+ Xác định từ khóa.**+ Xác định mối liên hệ giữa các từ khóa.**+ Vẽ sơ đồ tóm tắt ( nộp vào padlet)***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.- GV HDHS xác định từng yêu cầu.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày kết quả.- HS khác lắng nghe, quan sát, bổ sung.- GV cho HS quan sát sơ đồ của 1-3 HS, tổ chức nhận xét, đánh giá.**Bước 4: Kết luận, nhận định**GV tổng hợp, kết luận ( SGK/92) | **3. Các bước tiến hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ****a. Trước khi tóm tắt**- Xác định đúng nội dung cốt lõi và hệ thống ý triển khai nội dung.- Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi- Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá**b. Tóm tắt**- Vẽ các hình cụ thể chứa từ khoá- Sắp xếp các hình theo trật tự thích hợp- Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau.**c. Chỉnh sửa** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dung kiến thức đã học để làm bài tập củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài, hướng dẫn HS thực hành theo các bước.

- HS dựa trên sự hướng dẫn của GV, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tóm tắt đã được chỉnh sửa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Lựa chọn và tóm tắt một văn bản đã học bằng sơ đồ.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV lưu ý HS: Trong quá trình tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, để khỏi quên một số công đoạn hay thao tác cần thiết, các em có thể lật lại xem hướng dẫn của SHS.

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV; nộp bài qua padlet.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV lựa chọn và chiếu một số bài của HS để cùng cả lớp nhận xét, đánh giá.

( Bảng kiểm)

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS; HDHS chuẩn bị tiết học sau.

**BẢNG KIỂM**

**TÓM TẮT VĂN BẢN BẰNG SƠ ĐỒ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu tóm tắt** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. |  |
| - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. |  |
| - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Tiết 108**

**THẢO LUẬN**

**VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt: Biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**3. Về phẩm chất**: Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật dạy học nêu vấn đề, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

+ Gv chiếu video: *https://youtu.be/JLCxOcnrs8IHS*

+ Video nhắc đến vấn nạn nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

**-** Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái đất.

**b. Nội dung:**

- HS sử dụng SGK, nội dung đã được chuẩn bị để tiến hành theo các bước.

- GV sử dụng SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chỉ HDHS hoàn thiện bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS đã hoàn thiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS chuẩn bị trước khi nói**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.- GV đặt câu hỏi thảo luận: + *Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?**+ Những biểu hiện cụ thể của tình trạng ô nhiễm môi trường tại địa phương.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Thảo luận chung cả lớp để trả lời các câu hỏi; tìm ý cho bài nói.- GV hướng dẫn HS trả lời, chuẩn bị bài nói.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Cá nhân HS chuẩn bị nội dung và luyện nói.- GV tổ chức cho HS chia sẻ những khó khăn, vướng mắc khi luyện nói.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS. | **I. Trước khi nói****1. Chuẩn bị bài nói****a. Xác định mục đích nói và người nghe**- Mục đích: chia sẻ mối quan tâm chug về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.- Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm đến vấn đề môi trường.**b. Lựa chọn vấn đề****c. Tìm ý và sắp xếp ý****2. Tập luyện** |
| **\*NV2:** HDHS trình bày bài nói**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**GV yêu cầu cá nhân HS quay video bài nói, nộp cho GV.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS nộp video bài nói theo yêu cầu.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi.  | **II. Trình bày bài nói**- Cần tuân thủ theo các yêu cầu chung: nội dung, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, thời gian nói.- Về mặt nội dung cần chú ý:+ Mở đầu+ Triển khai+ Kết luận |
| **\* NV3:** HDHS đánh giá bài nói**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**- GV chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.- GV lựa chọn, chiếu video bài nói của HS đã nộp và yêu cầu:*+ Quan sát bài nói của bạn.**+ Đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ****- GV h**ướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.- HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.- **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.**Bước 4: Kết luận, nhận định.**- GV nhận xét, kết luận các yêu cầu của bài nói; yêu cầu HS về nhà: Hãy trình bày ý kiến về vấn đề môi trường nơi em sinh sống và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường ( quay video, nộp sản phẩm theo đường link đã cho).- Tự đọc: Viết biên bản ghi chép đúng quy cách, nêu đầy đủ nội dung chính về một vụ việc hay một cuộc thảo luận. | **3. Sau khi nói** |

|  |
| --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** |
| **Nhóm**:………. |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được giải pháp phù hợp, tối ưu, khả thi có thể áp dụng ngay | Chưa có giải pháp phù hợp, | Có giải pháp nhưng chưa khả thi. | Giải pháp tối ưu, có tính khả thi cao. |
| 2. Nội dung giải pháp hay, thuyết phục, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa thuyết phục người nghe. | Có đủ chi tiết để thuyết phục người nghe | Nội dung giải pháp hay, thuyết phục, hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợphop hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. |  Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm |